TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-PT
Ngày 06-01-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng Tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị An Tiên;

- Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Cường;

Ông Trần Tuấn Vũ.

- ***Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 366/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 435/2022/QĐPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đặng Thị Bé H, sinh năm 1982; anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Cầu Xe, xã Hưng T, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

Người đại diện hợp pháp của chị Đặng Thị Bé H: anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Cầu X, xã Hưng T, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2022);

- Bị đơn: chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp L, xã Hưng T, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

- Người kháng cáo: bị đơn chị Trần Thị Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – anh Nguyễn Văn N trình bày:

Gia đình anh N và gia đình chị D là chỗ họ hàng quen biết nên vợ chồng anh N cho chị D vay tiền rất nhiều lần, mỗi lần vay đều có lập giấy tay do chị D ghi nội dung và ký tên, không tính lãi suất, mục đích chị D vay để mua đất và làm

ăn, chị D thỏa thuận với vợ chồng anh N là bán đất sẽ trả tiền, vợ chồng anh đã nhiều lần đòi tiền nhưng chị D cứ hẹn hết lần này đến lần khác. Khoảng tháng 3 năm 2022 thì vợ anh N và chị D đã chốt nợ là chị D còn nợ vợ chồng anh N số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng theo giấy nợ ngày 10/4/2020. Lý do tháng 3 năm 2022 chốt nợ nhưng ghi giấy 10/4/2020 là do chị D chốt theo giấy nợ đầu tiên để các bên dễ nhớ. Giấy nợ ngày 10/4/2020 là do chị D viết nội dung và ký tên.

Nay anh N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị D phải trả cho vợ chồng anh số tiền là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi. Không yêu cầu chồng chị D là anh Bùi Văn Thành cùng liên đới trả.

* Chị Đặng Thị Bé H *trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của anh N, chị không có ý kiến khác.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn chị Trần Thị Ngọc D thể hiện:

Chị D có nợ tiền chị H, anh N rất nhiều lần, mỗi lần mượn khoảng 20.000.000 đồng, 30.000.000 đồng, vay rất nhiều lần nhưng tổng lại là 100.000.0000 đồng. Giấy nợ tất cả các lần vay do chị H giữ, chị D không có giữ, lãi suất 5%/tháng. Chị D trả lãi cho chị H, anh N rất nhiều lần nhưng không nhớ trả từ thời nào, được bao nhiêu tiền. Chị D và anh N, chị H thỏa thuận khi nào chị H, anh N yêu cầu trả thì chị D trả. Chị H nhiều lần đòi tiền nhưng chị đang gặp khó khăn nên không trả được. Chị vay tiền chị H, anh N để mua vải, mở tiệm may và cho người khác vay lại, chồng không biết. Từ lúc vay đến nay chị D chưa trả tiền gốc cho chị H, anh N. Nội dung giấy nợ ngày 10/4/2020 là do chị D viết và ký tên nhưng bị chị H và một số người lạ mặt đến nhà ép chị D viết. Vì để xóm làng không biết nên chị D ký giấy nợ ngày 10/4/2020, sau khi chị D ký vào giấy xác nhận nợ thì về phía địa phương có anh tên Hai đến yêu cầu giải tán những người lạ mặt. Việc chị H cùng những người lạ mặt đến nhà chị D để yêu cầu chị D ký giấy xác nhận nợ là khoảng tháng 3 năm 2022 không phải là ngày 10/4/2020 như giấy nợ.

Chị chỉ đồng ý trả cho chị H và anh N 100.000.000 đồng, yêu cầu không tính lãi lãi.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm 72/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã B*, tỉnh Tây Ninh, quyết định:*

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc chị Trần Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn N, chị Đặng Thị Bé H số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo ngày 03-10-2022, bị đơn chị Trần Thị Ngọc D cho rằng giấy mượn tiền đề ngày 10-4-2020 với khoản vay

300.000.000 đồng là giả tạo. Do đó, chị kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, chị đồng ý trả cho anh N chị H 100.000.000 đồng.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- *Về nội dung:* không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, chị D xác nhận chữ viết, chữ ký tại tờ "Giấy mượn tiền ngày 10/4/2020" là của chị. Nội dung tờ giấy mượn tiền là do chị và anh N, chị H thống nhất viết. Như vậy, có cơ sở xác định việc chị D biết và viết giấy mượn tiền đề ngày 10-4-2020 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

[2] Chị D cho rằng, tổng các khoản tiền chị vay của chị H, anh N là 100.000.000 đồng; chị H và anh N không thừa nhận, chị D cũng không có chứng cứ chứng minh. Quá trình thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị D cho rằng anh N, chị H cho nhiều người đến nhà chị để ép chị viết giấy mượn tiền với số nợ 300.000.000 đồng; theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm thì chị cho rằng chị viết "Giấy mượn tiền ngày 10/4/2020" là giả tạo để gia đình chị cho chị tiền để trả nợ cho anh N 100.000.000 đồng, còn lại anh N sẽ đưa chị trả nợ cho người khác. Lời trình bày của chị không thống nhất và chị cũng không chứng minh được khoản vay 300.000.000 đồng là không có thật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị D nợ chị H và anh N 300.000.000 đồng và buộc chị D trả cho anh N, chị H khoản tiền này là có căn cứ. Chị D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh. Vì vậy kháng cáo của chị D không có căn cứ chấp nhận; Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: chị D phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N, chị Đặng Thị Bé H đối với chị Trần Thị Ngọc D về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Trần Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn N, chị Đặng Thị Bé H số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Ngọc D phải chịu 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Hoàn trả cho anh N, chị H 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh N, chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0026688 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Trần Thị Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0026777 ngày 04-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã B ;
- CCTTHADS tx Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị An Tiên